# Review Unit 2 (trang 35)

**Tiếng Anh 11 Unit 2 Review Unit 2 trang 35 - Friends Global**  
**Reading (trang 35 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read two texts. Circle the correct answers (A-D). (Đọc hai văn bản. Khoanh chọn câu trả lời đúng (A-D).)  
John has been a keen reader and his favourite topic is climate change. Looking at his bookshelf, you'll be amazed at how many special books on climate change he has. Most of these books are his own buy and he is very proud of his collection. Some others are his dad's souvenirs from his business trips abroad. Believe it or not, all you can find on John's wish lists are titles of new books on climate change and global warming. John once lent his collection to the school library for a book fair and he even gave a talk on causes and effects of global warming at his science club. His audience was fascinated by his explanation of the natural greenhouse effect and the human-enhanced process in which greenhouse gases trap the heat and radiation, thereby raising the earth's temperature.  
1. It can be inferred from the passage that  
A. John's friends don't care about his book collection.  
B. John’s book collection is exploited to the fullest.  
C. John spends most of his free time collecting and reading books.  
D. John only receives books as birthday presents.  
**\*\*\***  
Hobby-related holidays are on the way to becoming one of the most lucrative forms of tourism, and younger people are definitely joining in. Of course, sports-related camps have been a huge part of tourism for ages, but what if you're someone with little interest in tennis or basketball? A good option for you might be a two-week photography tour-with stunning scenery, ancient buildings and sometimes even underwater photography Alternatively, if you are interested in nature, you can spend two weeks in an exotic location helping to identify rare plants and animals - while soaking up some sun and meeting like-minded people.  
2. What does the writer say about hobby-related holidays?  
A. They have existed for a long time.  
B. They are mainly sports-related.  
C They are usually for young people.  
D They are popular and varied.  
**Đáp án:**  
1. B 2. D  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: John once lent his collection to the school library for a book fair and he even gave a talk on causes and effects of global warming at his science club. (John đã từng cho thư viện trường mượn bộ sưu tập của mình cho hội chợ sách và thậm chí anh ấy còn thuyết trình về nguyên nhân và tác động của sự nóng lên toàn cầu tại câu lạc bộ khoa học của mình.)  
2. Thông tin: Hobby-related holidays are on the way to becoming one of the most lucrative forms of tourism, and younger people are definitely joining in. (Các kỳ nghỉ liên quan đến sở thích đang trên đà trở thành một trong những hình thức du lịch sinh lợi nhất và những người trẻ tuổi chắc chắn sẽ tham gia.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
*John là một người ham đọc sách và chủ đề yêu thích của anh ấy là biến đổi khí hậu. Nhìn vào giá sách của anh ấy, bạn sẽ ngạc nhiên về số lượng sách đặc biệt về biến đổi khí hậu mà anh ấy có. Hầu hết những cuốn sách này là do anh ấy tự mua và anh ấy rất tự hào về bộ sưu tập của mình. Một số khác là quà lưu niệm của bố anh trong những chuyến công tác nước ngoài. Dù bạn có tin hay không, tất cả những gì bạn có thể tìm thấy trong danh sách mong muốn của John là tựa sách mới về biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu. John đã từng cho thư viện trường mượn bộ sưu tập của mình cho hội chợ sách và thậm chí anh ấy còn thuyết trình về nguyên nhân và tác động của sự nóng lên toàn cầu tại câu lạc bộ khoa học của mình. Khán giả của anh ấy bị cuốn hút bởi phần giải thích của anh về hiệu ứng nhà kính tự nhiên và quá trình do con người tác động, khiến khí nhà kính giữ nhiệt và bức xạ, từ đó làm tăng nhiệt độ Trái Đất.*  
1. Có thể suy ra từ đoạn văn rằng  
A. Bạn bè của John không quan tâm đến bộ sưu tập sách của anh ấy.  
B. Bộ sưu tập sách của John được khai thác tối đa.  
C. John dành phần lớn thời gian rảnh để sưu tầm và đọc sách.  
D. John chỉ nhận sách như là quà sinh nhật.  
=> Chọn B  
*Các kỳ nghỉ liên quan đến sở thích đang trên đà trở thành một trong những hình thức du lịch sinh lợi nhất và những người trẻ tuổi chắc chắn sẽ tham gia. Tất nhiên, các trại liên quan đến thể thao đã là một phần quan trọng của du lịch từ lâu, nhưng nếu bạn là một người ít quan tâm đến quần vợt hay bóng rổ thì sao? Một lựa chọn tốt cho bạn có thể là một chuyến du lịch chụp ảnh kéo dài hai tuần - với phong cảnh tuyệt đẹp, các tòa nhà cổ kính và đôi khi là chụp ảnh dưới nước. Ngoài ra, nếu bạn quan tâm đến thiên nhiên, bạn có thể dành hai tuần ở một địa điểm độc lạ để nhận biết các loài động thực vật quý hiếm - trong khi tắm nắng và gặp gỡ những người cùng chí hướng.*  
2. Nhà văn nói gì về những kì nghỉ liên quan đến sở thích?  
A. Chúng đã tồn tại trong một thời gian dài.  
B. Chúng chủ yếu liên quan đến thể thao.  
C. Chúng thường dành cho những người trẻ tuổi.  
D. Chúng phổ biến và đa dạng.  
=> Chọn D  
  
**Listening (trang 35 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You will hear 4 short extracts. There is one question for each extract. Choose the best answer (A-C). (Bạn sẽ nghe 4 đoạn trích ngắn. Có 1 câu hỏi cho mỗi đoạn trích. Chọn câu trả lời đúng (A-C).)  
1. Who is the speaker? (Người nói là ai?)  
A. A hairdresser (Thợ cắt tóc)  
B. A customer at a hairdresser's (Một khách hàng tại tiệm làm tóc)  
C. A fashion reporter (Một phóng viên thời trang)  
2. How does the woman explain why she likes audiobooks? (Người phụ nữ giải thích tại sao cô ấy thích sách nói như thế nào?)  
A. Her father records them. (Bố của cô ấy ghi âm lại chúng.)  
B. They bring back a good feeling. (Chúng mang lại một cảm giác tốt.)  
C. They helped her learn to read. (Cúng đã giúp cô ấy học đọc.)  
3. What does the woman say about the sport she liked at school? (Người phụ nữ nói gì về môn thể thao cô ấy thích ở trường?)  
A. Her children are better at it than she was. (Con của cô ấy giỏi hơn cô ấy.)  
B. She was never very good at it. (Cô ấy chưa bao giờ giỏi việc đó.)  
C. She has stopped playing it. (Cô ấy đã ngừng chơi nó.)  
4. Where is the speaker? (Người nói ở đâu?)  
A. In a classroom (trong lớp học)  
B. At a job training centre (ở trung tâm dạy nghề)  
C. In a library (trong thư viện)  
Audio 1.29  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
4. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Of course you get older customers who’ve had the same hairstyle since their twenties, and they just can’t see that it makes them look old-fashioned now. (Tất nhiên là bạn có những khách hàng lớn tuổi hơn, những người đã để cùng một kiểu tóc từ những năm đôi mươi, và họ chỉ không thể nhận ra rằng kiểu tóc đó khiến họ trông lỗi thời ở thời giờ.)  
2. Thông tin: Woman Ido. Actually, I think it comes from when I was a child. My dad used to read to me every night before I went to sleep, so I connect it with a really happy and peaceful time. (Người phụ nữ: Đúng vậy. Trên thực tế, tôi nghĩ rằng thói quen đó xuất phát từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Bố tôi thường đọc sách cho tôi nghe mỗi tối trước khi tôi đi ngủ, vì vậy nó khiến tôi liên tưởng tới khoảng thời gian thực sự hạnh phúc và yên bình.)  
3. Thông tin: Woman: I was mad about football. I played it from the age of five, and in secondary school I was the captain of the girls’ team. I feel quite jealous when I watch my kids playing now. Maybe I should take it up again. (Người phụ nữ: Tôi rất đam mê bóng đá. Tôi chơi bóng từ năm 5 tuổi, và ở trường cấp hai, tôi là đội trưởng của đội bóng đá nữ. Tôi cảm thấy khá ghen tị khi xem những đứa con của tôi chơi bây giờ. Có lẽ tôi nên chơi bóng đá lại.)  
4. Thông tin: Today, young people like you hope to go to university, but in the author’s day, he knew his family could never afford to send him to university.  
=> Người nói đang ở trong lớp học giảng bài về cuộc đời của 1 nhà văn.  
**Nội dung bài nghe:**  
Extract 1:  
Of course you get older customers who’ve had the same hairstyle since their twenties, and they just can’t see that it makes them look old-fashioned now. Maybe doing their hair like that used to make them feel stylish − because everyone was wearing it that way at the time. But even when they’re middle-aged or retired, you can encourage these customers to change a bit. Show them pictures of a similar modern hairstyle in a fashion magazine, or rearrange their hair in front of the mirror − then tell them how great it looks!  
Extract 2:  
Man: I’ve noticed you always have audio books in your car. You must really enjoy listening to stories while you drive.  
Woman: Ido. Actually, I think it comes from when I was a child. My dad used to read to me every night before I went to sleep, so I connect it with a really happy and peaceful time.  
Man: Hmm. Perhaps that’s why I find it difficult to listen to them. I can’t remember anyone reading to me at all. I always read to myself at night.  
Extract 3:  
Woman: Did you use to enjoy sport when you were a child? I’ve noticed you don’t go in for any sports nowadays.  
Man: No, I didn’t really do much sport – just what we had to do at school. I enjoyed things like tennis, but I wasn’t much good as part of a team, so I hated football.  
Woman: I was mad about football. I played it from the age of five, and in secondary school I was the captain of the girls’ team. I feel quite jealous when I watch my kids playing now. Maybe I should take it up again.  
Extract 4:  
The writer got his first job in a supermarket when he was fifteen, and he was already feeling pessimistic about his future as a writer. Today, young people like you hope to go to university, but in the author’s day, he knew his family could never afford to send him to university. He thought that he might spend his life working in boring jobs just to support himself. But then he met Walters, a quiet man with a job at the local library. And from that first meeting, things began to change.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đoạn trích 1:  
Tất nhiên là bạn có những khách hàng lớn tuổi hơn, những người đã để cùng một kiểu tóc từ những năm đôi mươi, và họ chỉ không nhận ra rằng kiểu tóc đó khiến họ trông lỗi thời ở thời giờ. Có lẽ việc để tóc như vậy từng khiến họ cảm thấy sành điệu - bởi vì mọi người đều để kiểu tóc này vào thời đó. Nhưng ngay cả khi họ ở độ tuổi trung niên hoặc đã nghỉ hưu, bạn vẫn có thể khuyến khích những khách hàng này thay đổi một chút. Cho họ xem ảnh về một kiểu tóc hiện đại tương tự trên tạp chí thời trang hoặc tạo kiểu lại tóc của họ trước gương - sau đó cho họ biết kiểu tóc đó trông tuyệt như thế nào!  
Đoạn trích 2:  
Người đàn ông: Tôi nhận thấy bạn luôn có sách nói trong ô tô của mình. Bạn hẳn phải thực sự thích nghe những câu chuyện trong khi lái xe nhỉ.  
Người phụ nữ: Đúng vậy. Trên thực tế, tôi nghĩ rằng thói quen đó xuất phát từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Bố tôi thường đọc sách cho tôi nghe mỗi tối trước khi tôi đi ngủ, vì vậy nó khiến tôi liên tưởng tới khoảng thời gian thực sự hạnh phúc và yên bình.  
Người đàn ông: Hừm. Có lẽ đó là lý do tại sao tôi thấy việc nghe sách nói khó khăn. Tôi không thể nhớ ra bất cứ ai đọc cho tôi cả. Tôi luôn đọc sách một mình vào ban đêm.  
Đoạn trích 3:  
Người phụ nữ: Bạn có từng thích thể thao khi còn nhỏ không? Tôi nhận thấy bạn không tham gia bất kỳ môn thể thao nào hiện nay cả.  
Người đàn ông: Không, tôi không thực sự chơi nhiều môn thể thao - chỉ những môn chúng tôi phải học ở trường thôi. Tôi thích những môn như quần vợt, nhưng tôi chơi không tốt lắm khi chơi theo đội, vì vậy tôi ghét bóng đá.  
Người phụ nữ: Tôi rất đam mê bóng đá. Tôi chơi bóng từ năm 5 tuổi, và ở trường cấp hai, tôi là đội trưởng của đội bóng đá nữ. Tôi cảm thấy khá ghen tị khi xem những đứa con của tôi chơi bây giờ. Có lẽ tôi nên chơi bóng đá lại.  
Đoạn trích 4:  
Nhà văn có công việc đầu tiên trong một siêu thị khi ông ấy mười lăm tuổi, và ông ấy đã cảm thấy bi quan về tương lai nhà văn của mình. Ngày nay, những người trẻ tuổi như bạn mong muốn vào đại học, nhưng vào thời của tác giả, ông ấy biết gia đình mình không bao giờ có đủ khả năng để cho ông ấy học đại học. Ông ấy nghĩ rằng mình có thể dành cả đời làm những công việc nhàm chán chỉ để nuôi sống bản thân. Nhưng rồi ông gặp Walters, một người đàn ông trầm lặng làm việc tại thư viện địa phương. Và từ lần gặp đầu tiên đó, mọi thứ bắt đầu thay đổi.  
  
**Speaking (trang 35 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Work in pairs. You and a friend are planning a day trip cycling to the countryside. Discuss with your friend what you are going to do. Give reasons for your opinions. Agree on an activity. (Làm việc theo cặp. Bạn và một người bạn đang lên kế hoạch cho một chuyến đi trong ngày đạp xe về vùng nông thôn. Thảo luận với bạn của bạn về những gì bạn sẽ làm. Đưa ra lý do cho ý kiến của bạn. Đồng ý về một hoạt động.)  
**Gợi ý:**  
A: What do you plan to do for our trip cycling to the countryside this weekend?  
B: I like the feeling of riding a bike through the forest and up to the mountain. I would like to enjoy the fresh atmosphere in the woods while cycling.  
A: I'm not keen on the forest because I'm afraid of some insects, I don't know how to deal with them. What do you think about cycling along the shore?  
*B:*It's great. Because we start in the early morning, it's a good idea to watch the sun rise.  
*A:* That's settled then.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn định làm gì cho chuyến đi đạp xe về vùng nông thôn vào cuối tuần này?  
B: Tôi thích cảm giác đạp xe xuyên rừng và lên núi. Tôi muốn tận hưởng bầu không khí trong lành trong rừng khi đạp xe.  
A: Tôi không thích đi rừng vì tôi sợ một số con côn trùng, tôi không biết làm thế nào để đối phó với chúng. Bạn nghĩ gì về việc đạp xe dọc theo bờ biển?  
B: Thật tuyệt. Bởi vì chúng ta bắt đầu vào sáng sớm, nên đó là một ý tưởng hay để ngắm mặt trời mọc.  
A: Quyết định vậy đi.  
  
**Writing (trang 35 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You have just attended a meeting of your school's science club. Write a blog post (150-180 words) about it for the school website. (Bạn vừa tham dự một cuộc họp của câu lạc bộ khoa học của trường bạn. Viết một bài blog (150-180 từ) về nó cho trang web của trường.)  
\* Where and when did the event take place? (Sự kiện diễn ra ở đâu và khi nào?)  
\* Who attended the event? (Ai tham dự sự kiện?)  
\* What happened at the event? (Điều gì đã xảy ra tại sự kiện?)  
\* Give your personal opinion of the event and say what effects the event has had. (Đưa ra ý kiến cá nhân của bạn về sự kiện và cho biết sự kiện đã có những ảnh hưởng gì.)  
**Gợi ý:**  
On Sunday last week the ABC school organized a meeting of the school's science club. It attracted a lot of attention from the students and teachers who are studying and working here. The event was organized in the main school hall.  
More than 100 students came to the event to find out more information about science and some activities of the club. Most of them were the students in grade twelves, physics teachers and chemistry teachers.  
During the event, the club conducted a lot of experiments related to chemistry and physics. All of them are really useful and can be applied into learning and daily life. The club members and teachers were willing to share knowledge and explain to everyone what goes on at the club. Everyone really enjoyed it.  
In my view, the event was really successful. Since the open day, more and more students have registered to join the club. This also promotes the spirit of learning science among the students.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Vào Chủ nhật tuần trước, trường ABC đã tổ chức một cuộc họp câu lạc bộ khoa học của trường. Nó đã thu hút rất nhiều sự quan tâm của các bạn sinh viên và giáo viên đang học tập và làm việc tại đây. Sự kiện được tổ chức tại hội trường chính của trường.  
Hơn 100 sinh viên đã đến tham dự để tìm hiểu thêm thông tin về khoa học và một số hoạt động của câu lạc bộ. Hầu hết họ là học sinh lớp 12, giáo viên vật lý và giáo viên hóa học.  
Trong buổi sinh hoạt, câu lạc bộ đã tiến hành rất nhiều thí nghiệm liên quan đến hóa học và vật lý. Tất cả đều thực sự hữu ích và có thể áp dụng vào học tập cũng như cuộc sống hàng ngày. Các thành viên câu lạc bộ và giáo viên sẵn sàng chia sẻ kiến thức và giải thích cho mọi người về những gì diễn ra tại câu lạc bộ. Mọi người thực sự thích nó.  
Theo quan điểm của tôi, sự kiện đã thực sự thành công. Kể từ ngày đó, ngày càng có nhiều học sinh đăng ký tham gia câu lạc bộ. Điều này cũng thúc đẩy tinh thần tìm hiểu khoa học của các em học sinh.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit 2A. Vocabulary (trang 24, 25)  
Unit 2B. Grammar (trang 26)  
Unit 2C. Listening (trang 27)  
Unit 2D. Grammar (trang 28)  
Unit 2E. Word Skills (trang 29)  
Unit 2F. Reading (trang 30, 31)  
Unit 2G. Speaking (trang 32)  
Unit 2H. Writing (trang 33)  
Unit 2I. Culture (trang 34)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 11 sách Friends Global hay, chi tiết khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home